DANH SÁCH HỖ TRỢ TIỀN ĐIỆN QUÝ I, QUÝ II NĂM 2026 CHO HỘ NGHÈO TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG QUYẾT THẮNG

(Kèm theo Quyết định số 773 /QĐ-UBND ngày 15 /7/2026 của UBND phường Quyết Thắng)

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Quý I/2026			Quý II/2026			Tổng tiền hỗ trợ quý I + II (đồng)	Ghi chú
			Số tháng	Mức hỗ trợ tiền điện 1 tháng (đồng)	Thành tiền (đồng)	Số tháng	Mức hỗ trợ tiền điện 1 tháng (đồng)	Thành tiền (đồng)		
1	Phạm Thị Nhi	Tổ dân phố 16	3	64.200	192.600	3	64.200	192.600	385.200	
2	Phạm Thị Lan	Tổ dân phố 16	3	64.200	192.600	3	64.200	192.600	385.200	
3	Nguyễn Văn Tính	Tổ dân phố 15	3	64.200	192.600	3	64.200	192.600	385.200	
4	Nguyễn Văn Sự	Tổ dân phố 11	3	64.200	192.600	3	64.200	192.600	385.200	
5	Hoàng Thị Giới	Tổ dân phố 14	3	64.200	192.600	3	64.200	192.600	385.200	
6	Lý Ánh Tuyết	Tổ dân phố 14	3	64.200	192.600	3	64.200	192.600	385.200	
7	Nguyễn Thị Xuân Cảnh	Tổ dân phố 7	3	64.200	192.600	3	64.200	192.600	385.200	
8	Nguyễn Văn Tuấn	Tổ dân phố 3	3	64.200	192.600	3	64.200	192.600	385.200	
9	Nguyễn Thị Vụ	Tổ dân phố 6	3	64.200	192.600	3	64.200	192.600	385.200	
10	Đỗ Thị Sửa	Tổ dân phố 6	3	64.200	192.600	3	64.200	192.600	385.200	
11	Vũ Thị Lan	Tổ dân phố 6	3	64.200	192.600	3	64.200	192.600	385.200	
12	Nguyễn Thị Thảo	Tổ dân phố 8	3	64.200	192.600	3	64.200	192.600	385.200	
13	Trần Thị Hồng	Tổ dân phố 8	3	64.200	192.600	3	64.200	192.600	385.200	
14	Nguyễn Thị Dần	Tổ dân phố 19	3	64.200	192.600	3	64.200	192.600	385.200	
15	Trần Thị Mai	Tổ dân phố 17	3	64.200	192.600	3	64.200	192.600	385.200	
16	Phạm Ái Mộ	Tổ dân phố 17	3	64.200	192.600	3	64.200	192.600	385.200	
17	Đặng Văn Sáu	Tổ dân phố 17	3	64.200	192.600	3	64.200	192.600	385.200	
18	Lương Thị Độ	Tổ dân phố 18	3	64.200	192.600	3	64.200	192.600	385.200	
19	Hoàng Thị Lý	Tổ dân phố 18	3	64.200	192.600	3	64.200	192.600	385.200	
20	Lê Thị Lý	Tổ dân phố 18	3	64.200	192.600	3	64.200	192.600	385.200	
TỔNG CỘNG					**3.852.000**			**3.852.000**	**7.704.000**	

(Số tiền bằng chữ: Bảy triệu bảy trăm linh tư nghìn đồng chẵn./.)